

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CP
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 535 /2020/HNGĐ-ST
Ngày : 29 – 9– 2020
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Y Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Bờ;
2. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Nguyên Huân – Cán bộ Tòa án nhân dân HUYỆN CP; Ông Trần Văn Quang – Thư ký Tòa án nhân dân HUYỆN CP.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân HUYỆN CP tham gia phiên tòa: Nguyễn Văn Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân HUYỆN CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 349/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 260/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 207/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp Mỹ Hòa, xã MĐ, HUYỆN CP, tỉnh An Giang. (Có đơn xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Trương Văn B, sinh năm 1978. Địa chỉ cư trú: Ấp Mỹ Hòa, xã MĐ, HUYỆN CP, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: Ấp Khánh Thuận, xã Khánh Hòa, HUYỆN CP, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 7 năm 2020, nguyên đơn bà Yến trình bày như sau: Bà Yến và ông Bé cùng chung sống với nhau vào năm 2001, đến năm 2004 thì đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Hòa, HUYỆN CP. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, về sau thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Bà và ông Bé đã sống ly thân từ năm 2006

đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Bé.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Yến và ông Bé có 01 (Một) con chung tên: Trương Thị Tuyết Nh, sinh ngày 16/10/2001. Hiện cháu Nhi đang sống cùng bà, sau khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông Bé cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử:

- Bị đơn: Ông Trương Văn B được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng không đến Tòa để tham gia tố tụng theo quy định pháp luật, cũng không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của bà Yến.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Vắng mặt.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân HUYỆN CP phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Thẩm phán được công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Theo tài liệu chứng cứ thể hiện:

+ Ông Bé, bà Yến chung sống có đăng ký kết hôn, phù hợp quy định luật hôn nhân và gia đình.

+ Quá trình chung sống ông Bé, bà Yến có mâu thuẫn vợ chồng, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

+ Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Yến cho ly hôn, giao con chung cho bà Yến trực tiếp nuôi dưỡng con chung, do bà Yến không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến. Qua đó cho thấy đã có mâu thuẫn trầm trọng,

đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Yến.

+ Về con chung: Có 01 (Một) con chung tên: Trương Thị Tuyết Nh, sinh ngày 16/10/2001. Sau khi ly hôn bà Yến yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Nhi và không cấp dưỡng nuôi con. Ông Bé không tranh chấp về quyền nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án đúng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Ông Bé cư trú tại Ấp Khánh Thuận, xã Khánh Hòa, HUYỆN CP, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân HUYỆN CP thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

- Bà Yến và ông Bé chung sống, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống, bà Yến trình bày vợ chồng chung sống hòa thuận thời gian đầu nhưng về sau có nhiều mâu thuẫn, đã ly thân từ năm 2006 đến nay. Tòa án tiến hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn được bà Hứa Thị Lài (mẹ ruột của ông Bé) cung cấp thông tin: Trong thời gian chung sống không có xảy ra mâu thuẫn, lúc đi làm công nhân ở Bình Dương, do con dâu tôi chưa có việc làm, tụ tập đi chơi khuya nên xảy ra mâu thuẫn. Ngoài ra địa phương cung cấp thông tin là giữa bà Yến và ông Bé có xảy ra mâu thuẫn hay không thì địa phương không biết, nhưng biết vợ chồng sống ly thân.

Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà Yến và ông Bé thực tế là có mâu thuẫn. Trong thời gian hơn 14 năm, các bên không tạo điều kiện cho nhau để đoàn tụ. Ông Bé đã được Tòa án triệu tập đến hòa giải nhưng ông Bé không có ý kiến về yêu cầu ly hôn của bà Yến, không tham gia hòa giải, cho thấy ông Bé không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân. Bà Yến kiên quyết yêu cầu được ly hôn. Điều này cho thấy bà Yến và ông Bé không thể tiếp tục chung sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Yến.

- Về con chung: Có 01 (Một) con chung tên: Trương Thị Tuyết Nh, sinh ngày 16/10/2001, hiện nay đã 19 tuổi và đã lập gia đình riêng. Hội đồng xét xử không xem xét về việc nuôi con chung và cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà Yến phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2019/0003465 ngày 02 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự HUYỆN CP.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 9; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Y được ly hôn với ông Trương Văn B.

- Giấy chứng nhận kết hôn số 166 cấp ngày 13 tháng 6 năm 2011 của UBND xã Khánh Hòa không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung tên Trương Thị Tuyết Nh, sinh ngày 16/10/2001 đã đủ 18 tuổi và có gia đình riêng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

- Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2019/0003465 ngày 02 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự HUYỆN CP.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND.AG;
- VKSND.HCP;
- THA HCP;
- UBND xã Khánh Hòa;
- Đương sự (Đề thi hành);
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Y Anh

